

HOMEWORK (UNIT 5)

1. Write these words in your notebooks

fabulous	<i>Tuyệt vời</i>	eel soup	<i>Súp lươn</i>
instant noodles	<i>Mì ăn liền</i>	sticky rice	<i>Xôi</i>
main meal	<i>Bữa ăn chính</i>	member	<i>Thành viên</i>
fresh	<i>Tươi mới</i>	normally	<i>Thông thường</i>
during	<i>Trong suốt (thời gian)</i>	delicious	<i>Ngon miệng</i>
teaspoon	<i>Muỗng cà phê</i>	tablespoon	<i>Muỗng canh</i>

2. Record a video translating these sentences into English

1. Người dân ở khu vực tôi thường ăn ba bữa một ngày: bữa sáng, bữa trưa và bữa tối.
2. Vào bữa sáng, chúng tôi thường ăn phở hoặc súp lươn với bánh mì.
3. Đôi khi chúng tôi ăn mì ăn liền hoặc xôi.
4. Bữa trưa thường bắt đầu lúc 11 giờ 30 sáng.
5. Hầu hết chúng tôi ăn trưa ở nhà.
6. Chúng tôi thường ăn cơm với cá, thịt và rau.
7. Bữa tối là bữa ăn chính trong ngày.
8. Đây cũng là thời gian các thành viên trong gia đình quây quần ở nhà, nên nó kéo dài lâu hơn các bữa khác.
9. Bữa tối thường bắt đầu vào khoảng 7 giờ 30 tối.
10. Chúng tôi thường ăn cơm với nhiều rau tươi và hải sản hoặc thịt.
11. Chúng tôi thường nói chuyện về các hoạt động hằng ngày trong bữa ăn.
12. Sau đó chúng tôi ăn trái cây và uống trà xanh.
13. Tôi nghĩ rằng đồ ăn ở khu vực tôi rất tuyệt vời.
14. Nó rất tốt cho sức khỏe và ngon miệng.

3. Answer the questions

1. How many meals do people in the writer's area have a day?

→ _____

2. What do they usually have for breakfast?

→ _____

3. What do they sometimes have instead of pho or eel soup?

→ _____

4. What time does lunch often start?

→ _____

5. Where do most people have lunch?

→ _____

6. What food do they often have for lunch?

→ _____

7. Which meal is the main meal of the day?

→ _____

8. Why does dinner take longer than other meals?

→ _____

9. What time does dinner often start?

→ _____

10. What does the writer think about the food in his/her area?

→ _____

4. Listen and write

Sen 1

Sen 2

Sen 3

Sen 4

Sen 5

Sen 6

Sen 7

Sen 8

Sen 9

Sen 10

Sen 11

Sen 12

Sen 13

Sen 14

Sen 15